TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ THIỆN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/HS-ST
Ngày 30/01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ THIỆN TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Văn Toàn
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
Ông Lê Ngọc Tuấn - Nghề nghiệp: Giáo viên
Ông Đỗ Xuân Ưa
- ***Thư ký phiên toà***: Bà Ksor H'Đuen – Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Đăng Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2017/HSST ngày 28 tháng 12 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-HS ngày 15/01/2018 đối với các bị cáo:

1. Phan Văn H, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2000 *(Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 02 tháng 16 ngày)* tại P, Gia Lai; nơi cư trú: Tổ dân phố 16, thị trấn P, huyện P, Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn C1 và bà Nguyễn Thị Thu H; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/11/2017, sau đó tạm giam cho đến nay. Có mặt.

2. Trần Hữu C, sinh ngày 12/6/2001, *(Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 04 tháng 07 ngày)* tại P, Gia Lai; nơi cư trú: Tổ dân phố 16, thị trấn P, huyện P, Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hữu P và bà Nguyễn Thị D; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/11/2017 sau đó tạm giam cho đến nay. Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Phan Văn H:* Ông Phan Văn C1, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1972. Là cha mẹ ruột của bị cáo.

Cùng nơi cư trú: Tổ dân phố 16, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Hữu C:* Ông Trần Hữu P, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1960 Là cha mẹ ruột của bị cáo.

Cùng nơi cư trú: Tổ dân phố 16, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người bị hại:* Cháu Vũ Khắc Nhật M, sinh ngày 21/10/2011

- *Người đại diện hợp pháp cho cháu Vũ Khắc Nhật M:* Ông Vũ Khắc T, sinh năm 1974. Là cha ruột cháu M.

Cùng nơi cư trú: Tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Người bào chữa cho các bị cáo Phan Văn H và Trần Hữu C:* Bà Ngô Thị V – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 19 tháng 10 năm 2017, Phan Văn H và Trần Hữu C cùng đến tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện P chơi game với nhau. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, H rủ C đi cướp giật tài sản đi bán để lấy tiền chia nhau tiêu xài thì C đồng ý. H đưa xe mô tô biển kiểm soát 86C- 133796 cho C chở đi cướp giật. C điều khiển xe chở H đi dọc các tuyến đường thuộc thị trấn P tìm người có tài sản sơ hở để cướp giật. Khoảng 21 giờ cùng ngày, khi đi qua tiệm tạp hóa Mai Loan thuộc tổ dân phố 3, thị trấn P, H thấy cháu Vũ Khắc Nhật M (con của anh T) đang cầm điện thoại chơi trước nhà. Thấy vậy, H nói C đi xe lên phía trước chờ H giật điện thoại. H đi bộ đến chỗ cháu M và giật chiếc điện thoại rồi chạy đến xe máy C đang chờ. C lái xe chở H về khu vực Quảng trường huyện. Cháu M sau khi bị giật điện thoại đã khóc và kể lại cho cha mẹ nghe sự việc. Thấy điện thoại còn mới nên H không bán mà cất giữ sử dụng. Sau đó, gia đình anh T theo dõi phát hiện H vẫn sử dụng điện thoại của anh T và đăng hình lên mạng xã hội Zalo nên anh T đã trình báo cơ quan điều tra.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P đã thu giữ được chiếc điện thoại nói trên do Phan Văn H giao nộp và ra lệnh bắt khẩn cấp Phan Văn H và Trần Hữu C để điều tra làm rõ.

Tại kết luận định giá số 25/KLĐG ngày 25/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện P xác định định, chiếc điện thoại bị cướp giật là loại Samsung A310 trị giá là **2.100.000 đồng**.

Quá trình điều tra còn xác định được: Thông qua mạng xã hội, Phan Văn H đã mua một xe mô tô biển số 86C - 133796 của một thanh niên không rõ lai lịch tại thành phố Phan Thiết, Bình thuận trị giá 7.500.000 đồng rồi sử dụng làm phương tiện để đi cướp giật tài sản. Cơ quan điều tra đã xác M xe mô tô trên là tang vật trong vụ trộm cắp tài sản xảy ra ở thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Trong qúa trình điều tra và cũng như tại phiên tòa bị cáo Phan Văn H và Trần Hữu C đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã mô tả.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng gồm: 01 điện thoại hiệu Sam sung A310 màu trắng, có vỏ ốp màu vàng; 01 xe mô tô BKS 86C -133796 do Phan Văn H giao nộp. Xét thấy việc trả lại tài sản không ảnh hưởng đến việc điều tra nên cơ quan điều tra Công an huyện đã xử lý trả 01 chiếc điện thoại hiệu Sam sung A310 cho anh Vũ Khắc T.

Đối với xe mô tô biển số 86C - 133796, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phan Thiết, Bình Thuận để xử lý theo quy định.

Về mặt dân sự: Anh Vũ Khắc T đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì khác.

Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 27 tháng 12 năm 2017, của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Phan Văn H và Trần Hữu C về tội "Cướp giật tài sản" theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện P đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 136; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 53, Điều 69, khoản 1 Điều 74 Bộ luật Hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Phan Văn H từ 15 đến 18 tháng tù;

Xử phạt bị cáo Trần Hữu C từ 12 đến 15 tháng tù.

Người bào chữa bà Ngô Thị V nhất trí với quan điểm luận tội và đề xuất áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố các bị cáo Phan Văn H và Trần Hữu C về tội Cướp giật tài sản, nhưng cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, vì các bị cáo phạm tội gây hậu quả

không lớn; trước phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo nên đề nghị áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Văn H khoảng 08 tháng tù, xử phạt bị cáo Trần Hữu C khoảng 06 tháng tù. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Hữu C, vì bị cáo thuộc diện hộ nghèo, đã có đơn xin miễn án phí gửi tại phiên tòa.

Khi đối đáp về các quan điểm cần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát và Người bào chữa đều giữ nguyên quan điểm đã đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo Phan Văn H và Trần Hữu C là những thanh niên mới lớn nhưng thiếu tu dưỡng, rèn luyện. Muốn có tiền tiêu xài nên H đã rủ C đi cướp giật tài sản của người khác. Cách thức các bị cáo lựa chọn là sử dụng xe mô tô đi dọc theo các tuyến đường ở thị trấn P thấy ai để tài sản sơ hở thì giật. Khi các bị cáo đi qua tiệm tạp hóa Mai Loan thuộc tổ dân phố 3, thị trấn P, H thấy một cháu bé đang cầm điện thoại di động chơi trước nhà, H xuống xe nhanh chóng tiếp cận cháu bé và giật điện thoại trên tay cháu bé rồi lên xe mô tô do C điều khiển xe bỏ chạy. Chiếc điện thoại trên là của anh Vũ Khắc T (bố của cháu M), loại SamSung A 310, trị giá là 2.100.000 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đã cấu thành tội Cướp giật tài sản. Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố các bị cáo về tội Cướp giật tài sản theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đây là vụ án đồng phạm ở dạng giản đơn, vai trò của các bị cáo thể hiện như sau:

Đối với Phan Văn H: Bị cáo là người khởi xướng và rủ người khác phạm tội. Bị cáo H cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Cướp được tài sản bị cáo còn giữ lại để sử dụng riêng. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò chính trong vụ án.

Đối với Trần Hữu C: Bị cáo được bị cáo H rủ rê đi cướp giật tài sản nhưng đã không căn ngăn mà đã đồng ý tham gia ngay. Trong việc thực hiện tội phạm, bị cáo đã hỗ trợ tích cực cho bị cáo H giật điện thoại và tẩu thoát nhanh chóng sau đó. Vì vậy, bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm hình sự đúng với vai trò của mình.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thấy rằng các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu. Tuy

nhiên, trước khi phạm tội các bị cáo đều biết cháu M là trẻ em, tuổi còn nhỏ nhưng vẫn giật tài sản từ tay cháu nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội đối với trẻ em theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã luôn thành khẩn khai báo và biết ăn năn, hối cải. Trong quá trình giải quyết vụ án đã được người đại diện hợp pháp cho người bị hại thông cảm có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, cần xem xét cho các bị cáo khi xem xét quyết định hình phạt.

Ngoài ra, các bị cáo đã phạm tội khi chưa đủ tuổi thành niên nên cần áp dụng những quy định của pháp luật về nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội quy định tại Điều 69, khoản 1 Điều 74 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo.

Xét tính chất, mức độ của tội phạm thì cần xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn và cách ly khỏi xã hội một thời gian. Tuy nhiên, từ khi các bị cáo phạm tội cho đến khi bị xét xử cả hai bị cáo vẫn chưa đủ tuổi thành niên nên áp dụng khoản 1 Điều 74 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo mức án thấp, theo nguyên tắc không vượt quá ¾ mức án áp dụng với người thành niên phạm tội tương ứng, là đủ sức răn đe, giáo dục và tạo điều kiện cho các bị cáo nhanh được trở về với gia đình và xã hội.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra Công an huyện P đã ra quyết định xử lý vật chứng và trao trả tài sản cho anh Vũ Khắc T là chủ sỡ hữu hợp pháp và đã tiến hành bàn giao 01 xe mô tô BKS 86C-133796 cho Công an thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận việc xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về trách nhiệm dân sự:* Anh Vũ Khắc T là cha ruột của cháu M, là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc điện thoại Sam Sung A10 bị cướp đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên HĐXX không xem xét.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra của Công an huyện P và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P và kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo, đại diện hợp pháp của các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] *Về án phí*: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phan Văn H, Trần Hữu C phạm tội "Cướp giật tài sản";

Căn cứ vào khoản 1 Điều 136, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 69; khoản 1 Điều 74 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tuyên xử:

Phạt bị cáo Phan Văn H **09** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 21/11/2017.

Phạt bị cáo Trần Hữu C **08** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 21/11/2017.

2. Về án phí:

- Căn cứ khoản 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Căn cứ khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Phan Văn H và Trần Hữu C mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

3. Quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/01/2018, các bị cáo; người đại diện hợp pháp cho các bị cáo; người bào chữa cho các bị cáo chưa thành niên có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người đại diện hợp pháp cho người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND H. P;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- CQĐT Công an H. P;
- CQ THA. HS Công an H. P;
- Các bị cáo và những người TGTT khác;
- Lưu TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn